TAND THỊ XÃ THÁI HOÀ **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/NHGĐ-ST
Ngày: 15/10/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phùng Thị Hương Giang
Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Ông: Ngô Sỹ Lượng*
2. *Ông: Nguyễn Khắc Đức*

Thư ký phiên toà: *Bà Trần Thị An - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: *Bà Đặng Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1955 (có mặt)
2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1962 (vắng mặt không có lý do)

Đều trú tại: Khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi Thanh T kết hôn với nhau ngày 12/6/1986, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N (nay là UBND xã T, thị xã T) tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở bình đẳng, tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường và có 05 con chung. Năm 1992 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm, lo lắng, bỏ mặc bà T và các con, thỉnh thoảng mới về nhà và mỗi lần về nhà ông T thường hay xúc phạm và đánh đập bà trước mặt các con. Hiện tại bà xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa bà và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, nên bà T đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về nuôi con chung: Bà T xác định vợ chồng có 05 con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 25/02/1987; Bùi Thị L, sinh ngày 23/02/1989; Bùi Thị T, sinh ngày 22/11/1990; Bùi Thị N, sinh ngày 02/01/1994; Bùi Thị Kim K, sinh ngày 01/02/1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Thanh T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì ông T có hộ khẩu thường trú tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Ông T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về thăm nhà, ông T không làm thủ tục cắt tạm trú, tạm vắng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn văn tố tụng cho ông T, nhưng ông T không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình, nên không có lời khai hay ý kiến gì của ông T thể hiện ở hồ sơ vụ án và Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa bà Võ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời gian quy định. Việc thu thập chứng cứ, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng thời gian, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên tòa cho đến khi hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, điều 71 và điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

Về nuôi con chung: Các con chung của bà T, ông T đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Bà Võ Thị T không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Võ Thị T thuộc trường hợp được miễn án phí ly hôn sơ thẩm do người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã T nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Bùi Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối Q, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T. Bị đơn ông Bùi Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm e khoản 1 điều 192; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh T thấy rằng: Hôn nhân giữa bà Võ Thị T và ông Bùi Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, bà T và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N (nay là UBND xã T, thị xã T) tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình chung sống do giấy đăng ký kết hôn của bà T và ông T bị mất nên không cung cấp được cho Tòa án giấy đăng ký kết hôn bản gốc, mà có giấy xác nhận của UBND nơi bà T, ông T đăng ký. Sau khi kết hôn bà T và ông T chung sống bình thường và có 05 con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Do ông T không đến Tòa làm việc, nên không có ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai của nguyên đơn có cơ sở để xác định: Vợ chồng bà Võ Thị T và ông Bùi Thanh T phát sinh mâu thuẫn từ năm 1992. Nguyên nhân được xác định là do ông T thường đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm, lo lắng cho vợ con, bỏ mặc bà T cùng các con, thỉnh thoảng ông T mới về thăm nhà nhưng mỗi lần về nhà thường xúc phạm và đánh đập bà T. Điều đó chứng tỏ ông T vi phạm về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được; đời sống chung của vợ chồng không tồn tại trên thực tế vì các bên đã sống ly thân thời gian dài từ năm 2014 cho đến nay. Do đó, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T, xử cho bà Võ Thị T ly hôn với ông Bùi Thanh T là có căn cứ và phù hợp với điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống bà T và ông T có 05 (năm) con chung là Bùi Thị N, sinh ngày 25/02/1987; Bùi Thị L, sinh ngày 23/02/1989; Bùi Thị T, sinh ngày 22/11/1990; Bùi Thị N, sinh ngày 02/01/1994; Bùi Thị Kim K, sinh ngày 01/02/1997. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị T thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định của pháp luật, nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho bà T án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000602 ngày 20/6/2019.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điểm e khoản 1 điều 192; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51; khoản 2 điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án);

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị T được ly hôn với ông Bùi Thanh T.

- Về việc nuôi con: Các con chung của bà Võ Thị T đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản: Bà Võ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thị T được miễn án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại cho bà Võ Thị T số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0000602 ngày 20/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Bùi Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã T;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *Chi cục THADS thị xã T;*
- *UBND phường Q để ghi vào sổ hộ tịch;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HSVA.*

TM.H□I □□NG X□T X□ S□ THỘM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang